

Phương pháp xác định chi phí huy động vốn và sử dụng các thước đo chi phí huy động vốn

Thạc sĩ ĐẶNG THỊ NGỌC LAN

Theo cách nói truyền thống, một ngân hàng có hai lĩnh vực kinh doanh nòng cốt: huy động vốn và lựa chọn tài sản sinh lời để đầu tư các nguồn vốn huy động được. Các ngân hàng luôn nỗ lực để tạo ra lợi nhuận từ hai lĩnh vực này. Do đó, phương pháp xác định chi phí huy động vốn rất hữu ích cho ngân hàng để xây dựng chính sách kinh doanh có hiệu quả. Có hai lý do chủ yếu mà ngân hàng quan tâm khi xác định chi phí huy động vốn:

- Tính toán tương đối chính xác chi phí huy động vốn là yếu tố cơ bản để xác định mức lợi nhuận mà ngân hàng cần thu được từ các tài sản có sinh lời.

- Loại hình nguồn vốn mà ngân hàng huy động được và việc sử dụng nguồn vốn này ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro vốn.

Có 3 phương pháp được các ngân hàng áp dụng phổ biến là: chi phí trung bình theo nguyên giá; chi phí biên của từng nguồn vốn huy động và chi phí bình quân gia quyền dự kiến cho tất cả nguồn vốn. Mỗi phương pháp có một ý nghĩa tùy theo mục đích sử dụng của con số chi phí huy động vốn tính toán được.

1. Chi phí bình quân gia quyền theo phương pháp nguyên giá (Historical average cost method)

Đây là phương pháp được sử dụng rộng rãi nhất. Phương pháp này chú trọng vào cơ cấu hỗn hợp các nguồn vốn mà ngân hàng đã huy động được trong quá khứ và xem xét cẩn thận mức lãi suất mà thị trường đã áp đặt ngân hàng phải trả cho mỗi nguồn vốn đi vay. Tích số của lãi suất phải trả và tổng mức vốn đi vay được sử dụng trong quá khứ tạo thành chi phí nguồn vốn bình quân gia quyền. Nó được tính toán theo công thức lấy chi phí trả lãi chia cho tổng số vốn đi vay và tiền gửi:

$$\text{Chi phí trả lãi bình quân gia quyền} = \frac{\text{Chi phí trả lãi}}{\text{Tổng số vốn đi vay và tiền gửi}}$$

$$\text{Chi phí trả lãi bình quân gia quyền của các nguồn vốn hưởng lãi} = \frac{\text{Chi phí trả lãi}}{\text{Tổng số vốn đi vay và tiền gửi}}$$

Ví dụ: Giả sử một ngân hàng có số dư cuối kỳ trên sổ sách như sau:

Nguồn vốn ngân hàng	Số dư cuối kỳ (triệu USD)	Lãi suất bình quân phải trả (%)	Tổng chi phí lãi phải trả (triệu USD)
Tài khoản dùng séc	65	0,0	0,00
Tài khoản NOW	35	5,0	1,75
Tiền gửi tiết kiệm	40	5,5	2,20
Chứng chỉ tiền gửi	32	9,4	3,01
Tài khoản tiền gửi thị trường tiền tệ	38	8,2	3,12
Vay thị trường tiền tệ (nguồn phi tiền gửi)	15	8,5	1,28
Tổng số nguồn vốn	225		11,36 (tổng chi phí lãi)

Chi phí lãi phải trả bình quân gia quyền của ngân hàng trên sẽ là:

Chi phí lãi bình quân = tổng chi phí lãi: tổng nguồn vốn vay.

$$= 11,36 : 225 \text{ triệu} = 5,05\%$$

Trong trường hợp này ngân hàng cần phải kiếm cho được tỷ suất sinh lợi từ các khoản cho vay và đầu tư ít nhất là 5,05% thì mới đủ bù đắp chi phí lãi phải trả cho nguồn vốn huy động.

Phương pháp này có ích khi sử dụng để đánh giá tình hình huy động vốn trong quá khứ, nhưng nó có các nhược điểm sau:

- Một vài loại hình nguồn vốn được đem đầu tư vào các tài sản có không sinh lời như dự trữ bắt buộc, tài sản cố định, dự trữ thanh toán, đóng phí bảo hiểm tiền gửi. Hơn nữa mỗi loại nguồn vốn và qui mô hoạt động của mỗi ngân hàng lại có mức dự trữ bắt buộc và yêu cầu dự trữ thanh khoản rất khác nhau. Trong trường hợp này do tỷ suất lợi nhuận không thu được lại thay đổi tùy theo loại hình nguồn vốn khác nhau nên cần phải có những điều chỉnh về chi phí và lợi nhuận cần thu được để bù đắp chi phí trả lãi.

- Nó không bao gồm các chi phí liên quan đến huy động vốn như quảng cáo, chi phí khuyến mãi trong huy động vốn...

- Thiếu độ tin cậy nếu muốn sử dụng để làm cơ sở quyết định sẽ lựa chọn huy động loại hình nguồn vốn nào hoặc sẽ định giá tài sản có ra sao trong giai đoạn lãi suất biến động mạnh.

Đối với hai nhược điểm đầu có thể khắc phục bằng cách sử dụng tài sản sinh lợi làm cơ sở tính toán chi phí, tức là so sánh chi phí lãi và phi lãi trong huy động vốn với lượng tài sản sinh lợi thuần theo công thức sau:

$$\text{Chi phí trả lãi bình quân gia quyền} = \frac{\text{Chi phí trả lãi}}{\text{Tài sản có sinh lời}}$$

Khi chia cho tài sản có sinh lời tức là đã loại trừ phần nguồn vốn đã đầu tư vào tài sản không lời.

$$\text{Chi phí trả lãi bình quân gia quyền} = \frac{\text{Chi phí trả lãi} + \text{chi phí liên quan huy động vốn}}{\text{Tài sản có sinh lời}}$$

2. Chi phí huy động vốn biên

Phương pháp chi phí bình quân tuy có ưu điểm là đơn giản nhưng chỉ nhìn về quá khứ để xem xét chi phí và tỷ suất lợi nhuận tối thiểu đã thực hiện của ngân hàng. Trong khi đó, nhà quản trị ngân hàng còn cần phải hướng về tương lai nữa với những quyết định của hôm nay và ngày mai. Phương pháp chi phí huy động vốn biên nhằm khắc phục nhược điểm của phương pháp chi trả lãi bình quân gia quyền dựa trên nguyên giá. Chi phí biên là chi phí bỏ ra để có thêm một đồng vốn huy động. Căn cứ vào chi phí biên, ngân hàng xác định mức lợi nhuận tối thiểu cần đạt được từ những tài sản có thêm từ các nguồn vốn này.

$$\text{Chi phí trả lãi bình quân gia quyền} = \frac{\text{Chi phí trả lãi tăng thêm}}{\text{Tổng số vốn huy động tăng thêm}}$$

Lợi nhuận vẫn thu được từ tài sản có sinh lời tăng thêm nhờ sử dụng nguồn vốn huy động thêm:

$$\text{Chi phí trả lãi bình quân gia quyền} = \frac{\text{Chi phí trả lãi tăng thêm}}{\text{Tài sản có sinh lời tăng thêm}}$$

Công thức chi phí huy động vốn biên trên đây áp dụng trong trường hợp chi phí huy động của một loại nguồn vốn. Chi phí biên này được sử dụng khi ngân hàng quyết định nên huy động từ một loại nguồn vốn nào.

Tuy nhiên trong hầu hết các trường hợp, để tài trợ khoản cho vay ngân hàng sẽ huy động từ nhiều nguồn vốn khác nhau. Như vậy, phương pháp chi phí huy động vốn biên cần phải quan tâm xem xét việc ngân hàng phải tập hợp huy động mọi nguồn vốn, tức là chi phí huy động vốn hỗn hợp từ một số loại nguồn vốn. Chi phí biên hỗn hợp này được sử dụng định giá tài sản có tăng thêm. Rõ ràng là phương pháp chi phí vốn huy động vốn biên đã xác lập một tiêu chuẩn chặt chẽ hơn cho việc định giá các dịch vụ của định chế tài chính, bao gồm các dịch vụ tiền gửi và huy động vốn khác.

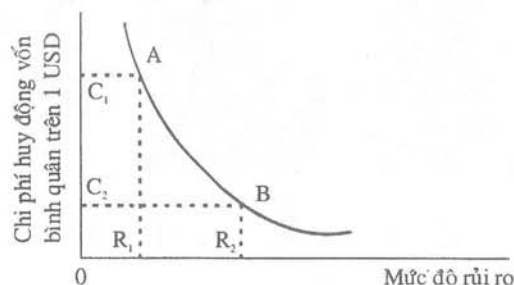
3. Chi phí dự kiến bình quân gia quyền

Đây là chi phí dự kiến bình quân gia quyền của tất cả các nguồn vốn làm kết quả ước đoán chi phí biên huy động, để từ đó xác định mức lãi cần có đối với tài sản có sinh lời. Phương pháp này có ích cho nhà quản trị. Nó giúp cho ngân hàng theo dõi chi phí huy động vốn bình quân theo thời gian, xem có xảy ra chiều hướng nào ngược lại hay không, và mức chi phí lãi bình quân cung cấp một chuẩn mực tương đối cho việc quyết định nên cho vay và đầu tư như thế nào. Việc ước tính chi phí này có thể hoàn thiện hơn bằng các xem xét câu hỏi: Ngân hàng cần phải đạt mức tỷ suất sinh lợi chung là bao nhiêu từ việc bán cả hai dạng dịch vụ, huy động vốn và từ việc sử dụng vốn huy động vào các tài sản sinh lời để có thể bù đắp toàn bộ chi phí huy động vốn của nó.

Việc lựa chọn nguồn tiền gửi hoặc phi tiền gửi của ngân hàng tùy thuộc không chỉ vào chi phí (giá) tương đối của mỗi

nguồn mà còn phụ thuộc rủi ro của chúng đối với ngân hàng. Những nguồn vốn có chi phí thấp có thể có rủi ro cao cho ngân hàng và do vậy, sẽ tạo khả năng thiệt hại nghiêm trọng hơn. Nhà quản trị phải đương đầu với việc lựa chọn giữa chi phí và rủi ro, tức là việc đánh đổi giữa rủi ro và chi phí huy động vốn. Nguồn vốn chi phí thấp có thể phải chịu rủi ro cao về lãi suất, thanh khoản hay là vốn sở hữu. Như thế, mỗi khi phải huy động vốn mới, nhà quản trị phải lựa chọn một vị trí về tương quan ưu tiên giữa rủi ro và lợi nhuận trên bảng đối chiếu giữa rủi ro và chi phí theo từng cách phối hợp giữa các nguồn vốn.

Sơ đồ tương quan lựa chọn giữa chi phí và rủi ro.



Theo sơ đồ trên, nhà quản trị có thể kết luận rằng nguồn vốn hiện đang sử dụng có chi phí trên 1 đồng vốn huy động quá đắt, do vậy mà lợi nhuận thuần bị ảnh hưởng nghiêm trọng và cần phải có một hỗn hợp nguồn vốn kiểu khác. Từ đó, ngân hàng có thể mong muốn thay đổi lối kết cấu nguồn vốn từ điểm A (chi phí C_1 , mức rủi ro R_1) sang điểm B (chi phí C_2 thấp hơn, mức rủi ro R_2). Nhà quản trị phải quyết định vị trí rủi ro, chi phí thích hợp nhất với mục tiêu của ngân hàng và mong muốn cổ đông góp vốn.

Việc định giá nguồn vốn đã trở thành một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình thực hiện những mục tiêu của ngân hàng. Giá cả chính là công cụ mà mỗi ngân hàng có thể chọn để nhằm đạt được mức và kết cấu nguồn vốn cho phép ngân hàng nâng cao khả năng sinh lời và các mục tiêu khác, đầu cho rằng mỗi ngân hàng không thể tự quyết định mức giá mà là do thị trường dẫn dắt. Việc định giá các nguồn vốn tác động sâu sắc đến chi phí của ngân hàng cũng như đến loại và tư cách khách hàng mà ngân hàng chọn giao dịch. Rõ ràng là giá cả của nguồn vốn huy động có ảnh hưởng tới qui mô, kết cấu và mức lãi chênh lệch của tất cả các nguồn vốn mà ngân hàng sử dụng.

Trong giai đoạn tự do hóa tài chính hiện nay, việc định giá nguồn vốn tiền gửi và các nguồn vốn khác chính là một bài toán mà mỗi nhà quản trị phải tự đi tìm lời giải. Không có lời giải sẵn cho họ.

Sau khi cân nhắc tác động của từng loại nguồn vốn khác nhau dựa trên chi phí huy động vốn hay chính sách huy động vốn để định hướng cho hành động cụ thể. Nói cách khác, ngân hàng sử dụng quan điểm marketing để xác định nhu cầu của khách hàng và thuyết phục khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng. Như vậy, một chiến lược huy động vốn thành công (huy động được một lượng vốn cần thiết cho hoạt động của đơn vị mình) khi nó thu hút sự quan tâm của khách hàng ■